TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2019/DS-PT
Ngày: 16/7/2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2019/TLPT-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, (chết ngày 16/5/2018);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P:

- Anh Lê Danh E sinh năm 1981;

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1973;

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Lê Văn D, sinh năm 1975;

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1966;

- Ông Lê Văn L, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phấn: Anh Trần Đình H, sinh năm 1989; địa chỉ: số 200, đường Thiên Hộ Dương, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 18/02/2019).

2. Bị đơn: Ông Lương Tấn L1, sinh năm 1973;

Địa chỉ: tổ 03, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Hồng Đ là Luật sư Văn phòng luật sư Hồng Đức thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Bạch Thị M, sinh năm 1971;

- Anh Lương Hoài N1, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: tổ 3, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Lương Thị Bé N2, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Lương Thị A, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp Thạch Động, xã Mỹ Đức, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà A: Ông Lương Tấn L1 sinh năm 1973; Địa chỉ: tổ 3, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, (văn bản ủy quyền ngày 28/6/2018).

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1957;

- Anh Lương Hoài H3 (Giang), sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: ấp 5, xã Bo, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Hồ Thị Thúy D1, sinh năm 1993;

- Ông Hồ Văn T, sinh năm 1962;

- Anh Hồ Thanh P2, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Uỷ ban nhân dân huyện C;

Địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo ông Lương Tấn L1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do anh Trần Đình H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 1987 bà P được mẹ ruột là cụ Bùi Thị B chia cho diện tích đất 1.265m^2, đo thực tế 1.795,2m^2 thuộc thửa 225, tờ bản đồ số 1, hiện thuộc thửa 136 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã M, huyện C. Từ khi được cho bà P quản lý sử dụng cho đến nay. Việc cho đất chỉ nói miệng. Năm 1998 cụ Bùi Thị B chết, cụ B có 02 người con ruột tên là Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn T1 (ông T1 chết năm 1998, bà P chết năm 2018) và 01 người con nuôi tên Nguyễn Thị Đ (chết năm 1998). Năm 1995 bà P đi đăng ký quyền sử dụng đất thì biết được diện tích 1.795,2m^2 đất của mình đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị Đ. Bà P có yêu cầu bà Đ làm thủ tục chuyển quyền cho bà, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp ở Ngân hàng nên không thực hiện được. Năm 1998 bà Đ chết con trai bà Đ là Lương Tấn L1 lập thủ tục thừa kế toàn bộ diện tích đất của bà Đ trong đó có thửa đất mà bà P đang canh tác, năm 2000 ông L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà P có đến gặp ông L1 để đặt vấn đề chuyển quyền sử dụng đất cho bà. Tuy nhiên, khi ra xã ông L1 yêu cầu phải chừa cho ông L1 01 nền nhà ông mới ký tên vào hồ sơ chuyển quyền, bà P không đồng ý, phát sinh tranh chấp cho đến nay. Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P, yêu cầu được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 1.785,2m^2 (trừ đất 05 mộ là 10m^2), hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1, thửa 225, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Không đồng ý với yêu cầu của ông L1. Trường hợp phải trả đất cho ông L1, không yêu cầu trả giá trị cây trồng và 4.000.000 đồng tiền đỗ đất đắp nền nhà khi nào có yêu cầu sẽ kiện bằng vụ kiện khác. Tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1.

Bị đơn ông Lương Tấn L1 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông ngoại tên Trần Văn H4 (không biết chết khi nào) và bà ngoại tên Bùi Thị B (chết năm 1998). Cụ H4, cụ B có 03 người con là Nguyễn Thị Đ (con nuôi chết năm 1998), Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn T1(ông Tước chết năm 1998, bà P chết năm 2018). Trước năm 1975 ông T1 đi lính chế độ cũ, bà P có chồng về ở bên chồng. Cha mẹ ông L1 là ông Lương Văn Đ2 bà Nguyễn Thị Đ được cụ H4, cụ B giao hết đất vườn quản lý canh tác để nuôi ông, bà và cúng giỗ tổ tiên hàng năm trong đó có diện tích đất tranh chấp. Sau năm 1975, ông T1 đi lính trở về sống với cụ H4, cụ B. Khi ông T1 trở về cha, mẹ ông phải ra ở riêng, khi cha, mẹ ông ra sống riêng không được chia đất nên phải ở đậu trên đất người khác, không nhớ ra ở riêng năm nào và giao hết đất của cụ H4, cụ B lại cho ông T1 canh tác nuôi cụ H4, cụ B, giao đất cho ông T1 cũng không nhớ năm. Ở đậu trên đất người khác một thời gian thì ông T1 kêu về cho bà Đ 01 công đất ruộng và 01 nền nhà không làm giấy tờ, thời điểm cho đất cũng không nhớ năm, sau này cha mẹ ông mua đất ở nơi khác nên trả lại cho ông T1 nền nhà, trả đất năm nào cũng không nhớ, còn lại 01 công đất ruộng tức là đất tranh chấp hiện nay.

Năm 1991 bà P nói với mẹ ông là bà Đ việc không được cụ H4, cụ B cho phần ăn nên bên chồng bà P xem thường. Bà P muốn mượn đất canh tác để chồng bà P vui, khi nào chồng bà P qua đời thì bà P sẽ trả lại. Thấy vậy nên bà

Đ đồng ý cho bà P mượn phần đất mà bà Đ được ông T1 cho nhưng với điều kiện chỉ canh tác lúa không được làm thay đổi hiện trạng đất và bà P canh tác từ năm 1991 cho đến nay. Trong quá trình canh tác bà P đã lên vườn trồng cây lâu năm, đắp nền nhà để ở, ông biết nhưng không cản trở. Kế tiếp bà P xin bà Đ cho phần đất này nhưng bà Đ không đồng ý, tuy nhiên bà Đ vẫn để cho bà P canh tác đến nay. Năm 1995 bà Đ kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1998 bà Đ chết không để lại di chúc, nên làm thủ tục chuyển quyền sang tên ông. Năm 2011 bà P đến gặp ông để thương lượng về phần đất bà P đang canh tác. Ông đồng ý cho lại bà P và tách thửa sang bà P đứng tên chỉ giữ lại 186m^2 có chiều ngang 06m, chiều dài 31m. Hai bên thống nhất nên ông giao cho bà P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi làm thủ tục, nhưng khi ra xã bà P không đồng ý nên ông không ký tên vào hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất.

Ông không thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P di dời cây cối, đất đã đắp đi nơi khác trả lại đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Bà là vợ của ông H5 (ông H5 là con bà Đ), ông H5 (chết năm 1984). Bà với ông H5 có 01 người con là Hoài H3 thường gọi là Trường Giang. Trong vụ kiện này bà là dâu của bà Đ không thuộc diện được thừa hưởng di sản, bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Hoài H3 trình bày: Anh là con của ông Lương Văn H5 và bà Nguyễn Thị H2. Bà Đ chết thì ông L1 là chú ruột của anh kê khai thừa hưởng tài sản của bà Đ, anh không hay biết và cũng không ký tên vào hồ sơ thừa kế của ông L1. Anh không đồng ý theo yêu cầu của bà P. Anh không tranh chấp với ông L1 trong vụ kiện này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông là con ông T1 không biết nhiều về nội dung đất mà hai bên tranh chấp. Hiện nay anh là người chăm sóc mồ mả của ông, bà bằng việc hàng năm như làm cỏ, quét sơn lên các mộ, không trồng trọt hay xây dựng kiến trúc gì trên đất. Tòa án giao đất cho ai anh không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Bé N2 trình bày: Bà là con bà Nguyễn Thị P, đất tranh chấp là của cụ H4, cụ B cho bà Đ. Năm 1998 bà Đ chết ông L1 lập thủ tục thừa kế hưởng toàn bộ đất cha, mẹ trong đó có thửa đất đang tranh chấp. Việc ông L1 thừa hưởng đất của bà Đ bà không có ý kiến. Bà không đồng ý theo yêu cầu bà P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Thúy D1 trình bày: Chị là con của bà bà D, bà D chết năm 2013 thời điểm này đất thửa 225 đã chuyển cho ông L1 đứng tên theo thủ tục thừa kế. Chị không xác định được khi mẹ còn sống có ký tên cho ông L không. Tuy nhiên, trong vụ kiện này chị không tranh chấp với ông L1 chia thừa kế. Đối với yêu cầu của bà P chị không có ý kiến gì.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị P gồm: ông Lê Danh E ông Lê Văn D, bà Lê Thị L, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, ông Lê Văn L.

- Không chấp nhận yêu cầu di dời cây, nền nhà trả của ông Lương Tấn L1;

- Công nhận cho hàng thừa kế thứ nhất của bà P gồm ông Lê Danh E ông Lê Văn D, bà Lê Thị L, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, ông Lê Văn L được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 1.785,2m^2 loại đất lúa, thuộc thửa 225 tờ bản đồ số 1 (bản đố 299) thửa 136, tờ bản đồ số 8 (bản đồ lưới tọa độ) đất tọa lạc tại xã M, huyện C cùng toàn bộ cây cối có trên đất. Đất có vị trí như sau:

+ Phía đông giáp đất ông Nguyễn Thanh H nối các mốc 08, 09, 10, 11, 12;

+ Phía tây giáp đất ông Huỳnh Văn H nối mốc 01, 02;

+ Phía nam giáp đất Huỳnh Tấn T, ông Huỳnh Văn L, ông Huỳnh Tấn K nối các mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8;

+ Phía bắc giáp chân lộ Quốc lộ 30 nối mốc 1, 12.

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị P gồm ông Lê Danh E ông Lê Văn D, bà Lê Thị L, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, ông Lê Văn L được sử dụng và sở hữu toàn bộ cây cối có trên đất như xoài, mận, tràm, trâm bầu…

- Hộ ông Lương Tấn L1, bà Bạch Thị M, anh Lương Hoài N1 và anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất cho hàng thừa kế thứ nhất bà P diện tích 1.785,2m^2 cùng toàn bộ cây cối có trên đất.

+ Điều chỉnh một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lương Tấn L1 ngày 16/01/2002 diện tích 1.785,2m^2 (1.795,2m^2 – 10m^2 đất 05 mộ) loại đất lúa, thuộc thửa 225 tờ bản đồ số 1 (bản đồ 299) thửa 136, tờ bản đồ số 8 (bản đồ lưới tọa độ) đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sang cho người thừa kế của bà Nguyễn Thị P đứng tên theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 04/01/2018, 21/3/2018 và sơ đồ mốc ngày 21/3/2018, mảnh trích đo ngày 05/4/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C).

- Ghi nhận sự tự nguyện trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Tấn L1 của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị P

Ông Lương Tấn L1 và những người thừa kế của bà Nguyễn Thị P được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

- Ông Lương Tấn L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 6.427.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000201 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Sau khi khấu trừ ông Liêm còn phải nộp tiếp 6.127.000đồng.

- Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị P được nhận lại 2.700.000 đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai số 03910 ngày 08/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Ông Lương Tấn L1 phải nộp 5.327.800 đồng để trả lại cho người thừa kế thứ nhất của bà Phấn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 03 tháng 12 năm 2018 ông Lương Tấn L1 là bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 102/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, không thống nhất yêu cầu của bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không tự thỏa thuận được với bị đơn về nội dung giải quyết vụ án.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm, vì đất cho bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Năm 2017 bà Nguyễn Thị P khởi kiện ông Lương Tấn L, trong quá trình giải quyết vụ án ngày 16/5/2018 bà P chết, những người thừa kế tài sản của bà P tham gia tố tụng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm sắp xếp với tư cách là nguyên đơn là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, là vi phạm tố tụng nhưng không cần phải hủy án vì những người thừa kế tài sản của bà P gồm ông Lê Danh E ông Lê Văn D, bà Lê Thị L, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, ông Lê Văn L đã được đưa vào tham gia tố tụng. Vì vậy, cần sắp xếp lại cho phù hợp quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của ông Lương Tấn L1 đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ H4, cụ B là cha, mẹ của bà P, bà Đ đo đạc thực tế 1.795,2m^2, bà P quản lý sử dụng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L1, nay bà P yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất và được Tòa án nhân dân huyện C chấp nhận, ông L không đồng ý vì đất cho bà P Mượn.

[3] Xét việc ông L1 kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, nguồn gốc đất của cụ H4, cụ B, bà P quản lý sử dụng ổn định từ khi cụ B còn sống cho đến nay, năm 1995 bà phấn đã cải tạo lên vườn trồng cây lâu năm, san lấp, đắp nền nhà để ở bà Đ, ông L1 đều biết nhưng không tranh chấp hay cản trở. Ông L cho rằng bà P mượn của bà Đ, nhưng không có giấy tờ chứng minh. Đất cho mượn thì không có lý do gì vào năm 2002 ông L1 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P làm thủ tục sang tên. Mặt khác, năm 2012 bà P phát hiện đất mình đang canh tác cấp cho bà Đ nên khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết bằng quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 công nhận cho bà P được sử dụng 1.149,8m^2. Bên ông L không khiếu nại mà bà P khiếu nại lên Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Từ đó cho thấy đất này cụ B đã cho bà P.

Đối với lời khai của người làm chứng bà Lê Thị B5, nhân chứng do ông L1 cung cấp tại cấp phúc thẩm trình bày có biết việc cụ B (mẹ chồng bà) cho bà P mượn đất, việc này mâu thuẫn với lời trình bày của ông L1, ông L1 trình bày phần đất tranh chấp do bà Đ cho bà P mượn. Ông Huỳnh Văn T1 trình bày chỉ nghe bà Đ nói lại là có cho bà P mượn đất không có chứng kiến sự việc. Vì vậy lời khai của những người này vừa mâu thuẫn lời trình bày của ông L1, vừa không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông L1 yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P trả giá trị 03 cây xoài mà ông trồng trên đất tranh chấp theo giá Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã định, nếu như Tòa án không chấp nhận kháng cáo của ông. Việc này được anh H đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P đồng ý, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1 đề nghị Hội đồng xét xử, sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông L1, công nhận cho ông L1 được quyền sử dụng đất diện tích đo thực tế 1.795,2m^2 thuộc thửa 136 tờ bản đồ số 8, tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, đề nghị của luật sư không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm các mốc của phần đất giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà P là chưa chính xác. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần điều chỉnh lại cách tuyên án nhằm đảm bảo việc thi hành án.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết không chấp nhận kháng cáo của ông L1, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, về nội dung chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Hải đại diện cho nguyên đơn trả giá trị 03 cây xoài cho anh L1 theo định giá. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của ông L1 là không có cơ sở để chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa án sơ thẩm nên ông L1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Tấn L1.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P gồm: Lê Danh E, Lê Văn D, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê Văn L đối với ông Lương Tấn L1.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P gồm: Lê Danh E, Lê Văn D, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê Văn L được tiếp tục sử dụng diện tích 1.785,2m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 trở về mốc 1, tại thửa 136, tờ bản đồ số 08, (thửa 225, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lương Tấn L1 vào ngày 16/01/2002, đất tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Công nhận sự thỏa của ông Lương Tấn L1 và anh Trần Đình H (đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P gồm: Lê Danh E, Lê Văn D, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê Văn L) về việc: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Nguyễn Thị P liên đới trả cho ông Lương Tấn Liêm giá trị ba cây xoài số tiền là 1.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi bằng 50% mức lãi quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án, cho đến khi thi hành án xong.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp thu hồi quyền sử dụng đất diện tích là 1.785,2m^2 tại thửa 136, tờ bản đồ số 08, (thửa 225, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lương Tấn L vào ngày 16/01/2002, đất tại xã Mỹ Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, để cấp quyền sử dụng đất lại cho Những người kế thừa quyền và

nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P gồm: Lê Danh E, Lê Văn D, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê Văn L.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 04/01/2018, ngày 21/3/2018 và sơ đồ mốc ngày 21/3/2018, mảnh trích đo ngày 05/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

- Ghi nhận sự tự nguyện trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Tấn L1 của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà Nguyễn Thị P gồm: Lê Danh E, Lê Văn D, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê Văn L.

Hộ ông Lương Tấn L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P gồm: Lê Danh E, Lê Văn D, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê Văn L được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Ông Lương Tấn L1 phải chịu 6.427.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000201, ngày 28/5/2018 là 300.000 đồng và biên lai số 0001148 ngày 03/12/2019 là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông L1 còn phải nộp tiếp 5.827.000 đồng.

- Ông Lương Tấn L1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P gồm: Lê Danh E, Lê Văn D, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê Văn L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.700.000 đồng theo biên lai số 03901 ngày 08/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Tổng cộng 5.327.800 đồng, ông Lương Tấn L1 phải chịu. Bà P, đã nộp tạm ứng 5.327.800 đồng và đã chi xong, nên ông L1 nộp 5.327.800 đồng, để hoàn trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P gồm: Lê Danh E, Lê Văn D, Lê Thị L, Lê Thị N, Lê Thị H, Lê Văn L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- CCTHADS huyện Cao Lãnh;
- Phòng GĐKTNV và THA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T)

Huỳnh Thanh Mỹ